

Số: 129/2026/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên họp: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Bùi Thị Xuân Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số: 169/2026/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 113/2026/QĐST-VLĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* bà Hoàng Thị L, sinh năm 1987; thường trú: khu phố Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: D, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH T1; địa chỉ: số B, Đ, KCN V - Singapore, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông YOSHIMURA T, sinh năm 1972; chức vụ: Tổng Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; thường trú: ấp P, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 - Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thái S; chức vụ: Phó giám đốc; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Hoàng Thị L trình bày:

Trước đây, bà Hoàng Thị L có cho bà Hoàng Thị H mượn giấy tờ tùy thân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009. Quá trình làm việc bà Hoàng Thị H được Công ty TNHH T1 tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7408075468. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Hoàng Thị H mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Hoàng Thị H có công việc để trang trải cuộc sống. Nay, bà Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị L (thực tế bà Hoàng Thị H làm việc) với Công ty TNHH T1 bị vô hiệu, bà Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà Hoàng Thị H với bà Hoàng Thị L có mối quan hệ họ hàng. Khoảng tháng 4/2008, do hồ sơ lao động không hoàn chỉnh và thiếu hiểu biết pháp luật nên đã mượn hồ sơ của bà L để xin vào làm việc tại Công ty TNHH T1 và được công ty T từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7408075468. Nay, bà Hoàng Thị H thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Hoàng Thị L và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị L (thực tế bà Hoàng Thị H làm việc) với Công ty TNHH T1 bị vô hiệu và bà Hoàng Thị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 (Công ty A) trình bày:

Công ty có ký hợp đồng lao động với người lao động tên Hoàng Thị L, MSNV: 208110, ngày sinh 20/01/1987, CMND số 194249606, Công ty có tham gia BHXH cho bà L từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009. Trong quá trình làm việc, dựa trên thông tin hồ sơ người lao động cung cấp, Công ty Đ đầy đủ theo quy định pháp luật. Đến nay, sau khi nhận được thông tin vụ việc giải quyết tại Tòa án, Công ty mới biết sự việc bà Hoàng Thị H mượn hồ sơ của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty. Trường hợp này, Công ty nhận thấy hành vi của bà Hoàng Thị H là không trung thực, vi phạm quy định pháp luật, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật. Công ty không có ý kiến gì khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 (viết tắt là BHXH) trình bày:

Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1987, CMND số 194249606, CCCD số 044187000867. Sổ BHXH số: 7408075468 có quá trình tham gia từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 tại Công ty TNHH T1, đã hưởng BHXH một lần theo QĐ số 9100013453 ngày 09/4/2010, chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp. Trong đó, không có quá trình đóng BHXH, BHYT, BHTN bị trùng. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Hoàng Thị L, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Đồng thời, giải

quyết vắng mặt toàn bộ đối với cơ quan trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án trên.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của bà Hoàng Thị L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: người yêu cầu bà Hoàng Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H; Công ty TNHH T1 và B cơ sở L1 đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

Bà Hoàng Thị L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 và được Công ty T, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7408075468. Tuy nhiên, bà L và bà H đều xác nhận bà L cho bà H mượn giấy tờ tùy thân để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 và thực tế làm việc tại Công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 là bà H, không phải bà L.

Xét thấy, lời khai của bà L, bà H phù hợp với lời trình bày của Bảo hiểm xã hội cơ sở L1. Mặc dù trong khoảng thời gian trên, bà L không làm việc tại Công ty N, nhưng thực tế người làm việc tại Công ty TNHH T1 là bà Hoàng Thị H. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 trong khoảng thời gian tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 là bà Hoàng Thị H, không phải là bà Hoàng Thị L. Việc bà H lấy thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007. Do đó, bà Hoàng Thị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị L (thực tế bà Hoàng Thị H làm việc) với Công ty TNHH T1 bị vô hiệu là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L. Đương sự có quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7408075468.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Hoàng Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị L với Công ty TNHH T1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408075468) bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024669 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Thụy